



Dữ liệu Văn phòng UBND tỉnh - năm: 2022

Chỉ số	Tên gọi	Điểm gốc	Tự chấm	Giải trình
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC	10.50	10.50	
1.1	Thực hiện kế hoạch CCHC	1.50	1.50	
1.1.1	Hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá theo công thức [tỷ lệ % hoàn thành X 1.50/100%]	1.50	1.50	Những nội dung công việc phải triển khai thực hiện đến hết ngày 14/11/2022 được nêu tại Kế hoạch số 2153/KH-VP ngày 31/12/2021, Văn phòng UBND tỉnh đã hoàn thành 100%. (File giải trình kèm theo)
1.1.2	Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0	0.00	0.00	
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ	2.50	2.50	
1.2.1	Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn báo cáo về CCHC theo quy định: 1	1.00	1.00	Thực hiện đầy đủ, đảm bảo thời gian theo quy định
1.2.2	Báo cáo về kiểm soát TTHC và việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông: 0.5	0.50	0.50	- Báo cáo về kiểm soát TTHC và việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông: Văn phòng UBND tỉnh tham mưu hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban ngành và địa phương thực hiện báo cáo định kỳ tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC thông qua Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ tại Công văn số 679/VP-KSTTHC ngày 28/4/2022 của Chánh Văn phòng UBND tỉnh. - Định kỳ hàng quý, năm, Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Văn phòng Chính phủ theo quy định thông qua Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ.
1.2.3	Báo cáo định kỳ hàng quý, năm về kết quả ứng dụng CNTT: 0.5	0.50	0.50	Được lồng ghép trong báo cáo CCHC của Văn phòng, số: 2038/BC-VP ngày 15/12/2021; 406/BC-VP ngày 15/3/2022 (Mục 6); 1023/BC-VP ngày

				15/6/2022 (Mục 6); số 1593/BC-VP ngày 16/9/2022 (Mục 6).
1.2.4	Báo cáo năm về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật: 0.5	0.50	0.50	Thực hiện đầy đủ, đảm bảo tại Báo cáo số 1914/BC-VP ngày 25/11/2021. Ngoài ra, Văn phòng còn thực hiện báo cáo sơ bộ công tác theo dõi THPL năm 2022 tại Công văn số 1816/VP-HCQT ngày 24/10/2022
1.2.5	Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung, thời hạn gửi báo cáo: 0	0.00	0.00	
1.3	Công tác kiểm tra CCHC	2.00	2.00	
1.3.1	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thuộc sở (phòng, ban, chi cục và tương đương) được kiểm tra trong năm	1.00	1.00	
1.3.1.2	Từ 30% số cơ quan, đơn vị trở lên: 1	1.00	1.00	Văn phòng UBND tỉnh hoàn thành 100% kiểm tra theo Kế hoạch số 2153/KH-VP ngày 31/12/2022, cụ thể: - Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC tỉnh phối hợp với đơn vị liên quan thường xuyên kiểm tra hoạt động tiếp nhận, trả kết quả giải quyết hồ sơ liên thông tại các Phòng nghiên cứu khi xử lý hồ sơ TTHC liên thông do các sở, ngành tham mưu, trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định. - Ngoài ra, Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC tỉnh tham mưu Chánh Văn phòng UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ kiểm tra hoạt động kiểm soát TTHC và tổ chức, hoạt động của Bộ phận Một cửa theo Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 21/02/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh; ban hành Quyết định số 54/QĐ-VP ngày 17/5/2022 về việc kiểm tra hoạt động kiểm soát TTHC và việc tổ chức, hoạt động của Bộ phận Một cửa tại UBND một số xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh (Đã hoàn thành kiểm tra 10 đơn vị, trong đó có 09 đơn vị Chánh Văn phòng đã ra thông báo kết luận, còn 01 đơn vị đang trong quá trình hoàn thiện dự thảo thông bá

1.3.1.3	Từ 20% - dưới 30% số cơ quan, đơn vị: 0.5	0.50	0.00	
1.3.1.4	Dưới 20% số cơ quan, đơn vị: 0	0.00	0.00	
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1.00	1.00	
1.3.2.1	Từ 70% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý/kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức [(Tỷ lệ % số vấn đề đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý) X 1.00/100%]	1.00	1.00	Văn phòng UBND tỉnh hoàn thành 100% xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra, cụ thể: - Về tự kiểm tra việc xử lý hồ sơ liên thông, Chánh Văn phòng UBND tỉnh ban hành Công văn số 973/VP-HCC ngày 07/7/2021 về việc nghiêm túc thực hiện việc xử lý, trả kết quả giải quyết hồ sơ TTHC liên thông tại Văn phòng UBND tỉnh; trên cơ sở chỉ đạo của Chánh Văn phòng UBND tỉnh, năm 2022 Trung tâm thường xuyên, đơn đốc nhắc nhở trực tiếp công chức, viên chức tại các quầy của sở, ngành để tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC liên thông thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đảm bảo theo quy định. - Về tham mưu kiểm tra theo Kế hoạch của Chủ tịch UBND tỉnh: Văn phòng UBND tỉnh ban hành Quyết định số 54/QĐ-VP ngày 17/5/2022 về việc kiểm tra hoạt động kiểm soát TTHC và việc tổ chức, hoạt động của Bộ phận Một cửa tại UBND một số xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh và đang trong quá trình triển khai thực hiện, sau đó sẽ tham mưu báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả kiểm tra và yêu cầu xử lý theo
1.3.2.2	Dưới 70% số văn bản đã xử lý/kiến nghị xử lý: 0	0.00	0.00	
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	1.00	1.00	
1.4.1	Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các phương tiện thông tin đại chúng: 0.5	0.50	0.50	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 23/02/2022 về truyền thông về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022 trên địa bàn tỉnh và ban hành Kế hoạch số 347/KH-VP ngày 08/3/2022 về công tác kiểm soát TTHC và cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2022 tại Văn phòng UBND tỉnh (trong đó có

				nội dung về truyền thông cải cách TTHC). Văn phòng UBND tỉnh thực hiện đầy đủ các hình thức tuyên truyền về cải cách hành chính bằng ba hình thức (File giải trình kèm theo)
1.4.2	Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các hình thức khác: 0.5	0.50	0.50	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC tỉnh) đã phối hợp với các 19 cơ quan, đơn vị thực hiện tuyên truyền bằng nhiều hình thức khác liên quan đến việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm (có file giải trình kèm theo).
1.5	Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính	2.00	2.00	
1.5.1	Có từ 3 sáng kiến hoặc giải pháp mới trở lên: 2	2.00	2.00	Tên sáng kiến, giải pháp: (1) Nộp hồ sơ trực tuyến qua ứng dụng di động; (2) Biên dịch một số TTHC sang 04 thứ tiếng Anh, Trung, Nhật, Hàn; (3) Nâng cao chất lượng công tác tổ chức họp - Ứng dụng quét mã QR để xác nhận thông tin đại biểu tham dự họp. (4) Giải pháp nâng cao tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên địa bàn tỉnh (File giải trình kèm theo).
1.5.2	Có 2 sáng kiến hoặc giải pháp mới: 1.5	1.50	0.00	
1.5.3	Có 1 sáng kiến hoặc giải pháp mới: 1	1.00	0.00	
1.5.4	Không có sáng kiến hoặc giải pháp mới: 0	0.00	0.00	
1.6	Thực hiện các nhiệm vụ được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh giao trong năm	1.50	1.50	
1.6.1	Hoàn thành đúng tiến độ 100% số nhiệm vụ được giao trong năm: 1.5	1.50	1.50	Căn cứ Quyết định số Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND ban hành Chương trình công tác năm 2022 của UBND tỉnh, đến ngày 15/11/2022 Văn phòng UBND tỉnh hoàn thành 100% nhiệm vụ được giao đúng hạn (File giải trình kèm theo).
1.6.2	Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao nhưng có nhiệm vụ hoàn thành muộn so với tiến độ: 1	1.00	0.00	

1.6.3	Hoàn thành từ 95% - dưới 100% nhiệm vụ được giao: 0.5	0.50	0.00	
1.6.4	Hoàn thành dưới 95% số nhiệm vụ được giao: 0	0.00	0.00	
2	THAM MƯU XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN THỂ CHẾ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA CẤP SỞ	12.00	6.50	
2.1	Theo dõi thi hành pháp luật (TĐTHPL)	3.50	3.50	
2.1.1	Thực hiện các hoạt động về TĐTHPL	2.50	2.50	
2.1.1.1	Ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật: 0,5	0.50	0.50	Văn phòng UBND tỉnh đã tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành đầy đủ các văn bản về theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực kiểm soát TTHC, như: Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 28/01/2022 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022 trên địa bàn tỉnh, Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 21/02/2022 kiểm tra hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022 trên địa bàn tỉnh và Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 23/02/2022 về truyền thông về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022 trên địa bàn tỉnh và triển khai thực hiện thường xuyên trong năm. Đồng thời, Văn phòng đã ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật (Kế hoạch số 181/KH-VP ngày 28/01/2022); Quyết định số 54/QĐ-VP ngày 17/5/2022 về việc kiểm tra hoạt động kiểm soát TTHC và việc tổ chức, hoạt động của Bộ phận Một cửa tại UBND một số xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh
2.1.1.2	Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật: 0.5	0.50	0.50	Văn phòng UBND tỉnh thực hiện việc thu thập thông tin qua việc xử lý các phản ánh, kiến nghị qua tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định hành chính

				<p>bằng các hình thức như Văn phòng UBND tỉnh thực hiện tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về TTHC bằng nhiều hình thức khác nhau: qua số điện thoại Tổng đài của Trung tâm (39395555) hoặc qua số điện thoại đường dây nóng phản ánh, kiến nghị về TTHC (0255 3718200); qua hộp thư điện tử: pakn@quangngai.gov.vn, qua Hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của Chính phủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và tại các mục "Hỏi đáp thủ tục hành chính" trên Cổng Dịch vụ công - Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh, cụ thể: Tiếp nhận qua đơn thư 07 phản ánh của công dân về lĩnh vực đất đai, còn lại tiếp nhận qua số điện thoại đường dây nóng phản ánh về TTHC. Các phản ánh của công dân đều đã được chuyển tới cơ quan, người có thẩm quyền để xử lý kịp thời, nhanh chóng.</p>
2.1.1.3	Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật: 1	1.00	1.00	<p>Trong năm 2022, thực hiện Kế hoạch số 181/KH-VP ngày 28/01/2022 và Quyết định số 54/QĐ-VP ngày 17/5/2022 của Chánh Văn phòng, Văn phòng UBND tỉnh đã thực hiện kiểm tra tình hình thi hành pháp luật (Đã hoàn thành kiểm tra 10 đơn vị, trong đó có 09 đơn vị Chánh Văn phòng đã ra thông báo kết luận, còn 01 đơn vị đang trong quá trình hoàn thiện dự thảo thông báo kết luận).</p>
2.1.1.4	Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật: 0.5	0.50	0.50	<p>- Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC tỉnh) tổ chức thực hiện việc theo dõi mức độ hài lòng của tổ chức, công dân trong quá trình giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị qua thiết bị Tablet hoặc Phiếu đánh giá đặt tại quầy tiếp nhận hồ sơ hoặc có thể đánh giá mức độ hài lòng qua website của Trung tâm. Qua theo dõi, trong năm 2022 đã có 33.124 lượt đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân, trong đó đánh giá rất hài lòng và đánh giá hài lòng là 33.090 (99,89 %); đánh giá bình thường: 34 lượt (0,1%); đánh giá không hài lòng: 0 lượt.</p>

2.1.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1.00	1.00	
2.1.2.1	Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TĐTHPL theo thẩm quyền: 1	1.00	1.00	Hiện tại nội dung kiểm tra thi hành pháp luật trong lĩnh vực kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh đã hoàn thành theo Quyết định số 54/QĐ-VP ngày 17/5/2022. Tính đến ngày 15/11/2022 đã hoàn thành kiểm tra 10 đơn vị, trong đó Chánh Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành Thông báo kết luận đối với 09 đơn vị, còn 01 đơn vị đang hoàn thiện dự thảo. Đối với việc theo dõi mức độ hài lòng của tổ chức, công dân trong quá trình giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị tại Trung tâm Phục vụ- Kiểm soát TTHC, thì hàng quý đều tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh đầy đủ (Báo cáo số 10/BC-TTHC ngày 25/3/2022; Báo cáo số 32/BC-TTHC ngày 24/6/2022; Báo cáo số 50/BC-TTHC ngày 04/10/2022).
2.1.2.2	Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TĐTHPL theo thẩm quyền:0	0.00	0.00	
2.2	Xử lý VBQPPL sau rà soát, hệ thống hóa	1.50	1.50	
2.2.1	Từ 70% - 100% số văn bản đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức: [(Tỷ lệ % VB đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý) X 1.50/100%]	1.50	1.50	Đã ban hành Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2022 (Kế hoạch số 193/KH-VP ngày 28/01/2022) và thực hiện rà soát 100% các văn bản QPPL do Văn phòng tham mưu ban hành theo kế hoạch đề ra. Qua rà soát, Văn phòng đã kịp thời trình Chủ tịch UBND tỉnh hai đề nghị xây dựng quyết định (Tờ trình số 506/TTr-VP ngày 31/3/2022 và Tờ trình số 930/TTr-VP ngày 03/6/2022 của Văn phòng). Sau khi được Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận, Văn phòng đã thực hiện theo quy định về ban hành văn bản QPPL (Tờ trình số 1458/TTr-VP ngày 24/8/2022 và Tờ trình số 1495/TTr-VP ngày 31/8/2022).
2.2.2	Dưới 70% số văn bản đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0	0.00	0.00	

2.3	Xử lý văn bản phát hiện sai phạm qua kiểm tra	1.50	1.50	
2.3.1	Từ 70% - 100% số văn bản đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức: [(Tỷ lệ % số VB đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý) X 1.50/100%]	1.50	1.50	Năm 2022, Văn phòng UBND tỉnh không có văn bản trái pháp luật được phát hiện qua công tác kiểm tra.
2.3.2	Dưới 70% số văn bản đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0	0.00	0.00	
2.4	Tác động của cải cách đến chất lượng VBQPPL do tỉnh ban hành	5.50	0.00	
2.4.1	Tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở	1.00	0.00	
2.4.2	Tính hợp lý của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở	1.50	0.00	
2.4.3	Tính khả thi của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở	1.50	0.00	
2.4.4	Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở	1.50	0.00	
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	18.50	12.50	
3.1	Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)	2.00	2.00	
3.1.1	Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền	0.50	0.50	
3.1.1.1	Không có TTHC ban hành trái thẩm quyền; không có văn bản điều chỉnh TTHC trái thẩm quyền: 0.5	0.50	0.50	Trong năm 2022, Văn phòng UBND tỉnh không ban hành và không tham mưu ban hành văn bản liên quan đến quy định TTHC trái thẩm quyền được giao.
3.1.1.2	Có TTHC ban hành trái thẩm quyền hoặc có văn bản điều chỉnh TTHC trái thẩm quyền: 0	0.00	0.00	

3.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC	1.00	1.00	
3.1.2.1	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1	1.00	1.00	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 21/01/2022 rà soát, đánh giá TTHC năm 2022 trên địa bàn tỉnh; Công văn số 679/VP-TTHC ngày 28/4/2022 và Công văn số 3841/UBND-TTHC ngày 03/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.
3.1.2.2	Hoàn thành từ 95% - dưới 100% kế hoạch: 0.5	0.50	0.00	
3.1.2.3	Hoàn thành dưới 95% kế hoạch: 0	0.00	0.00	
3.1.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC	0.50	0.50	
3.1.3.1	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.5	0.50	0.50	Triển khai thực hiện nhiệm vụ rà soát, đánh giá TTHC của Văn phòng UBND tỉnh tại Kế hoạch số 347/KH-VP ngày 08/3/2022 của Chánh Văn phòng UBND tỉnh thực hiện công tác kiểm soát TTHC năm 2022 tại Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ngãi.
3.1.3.2	Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0	0.00	0.00	
3.2	Công khai thủ tục hành chính và kết quả giải quyết hồ sơ	4.50	4.50	
3.2.1	Thống kê, trình công bố TTHC và danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của các sở, ban ngành	0.50	0.50	
3.2.1.1	Đầy đủ, đúng quy định: 0.5	0.50	0.50	Đây là nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh đã kiểm soát chất lượng và tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 32 quyết định công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban ngành và UBND cấp huyện, UBND cấp xã.
3.2.1.2	Không đầy đủ, đúng quy định: 0	0.00	0.00	
3.2.2	Thực hiện rà soát, đăng tải nội dung TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý trên	0.50	0.50	

	Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh sau khi được Chủ tịch UBND tỉnh công bố			
3.2.2.1	Đầy đủ, đúng quy định: 0.5	0.50	0.50	Đây là nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh thực hiện theo dõi, đôn đốc các sở, ban ngành khi phát hiện nội dung TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh chưa công khai đầy đủ, đúng quy định.
3.2.2.2	Không đầy đủ, đúng quy định: 0	0.00	0.00	
3.2.3	Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC	1.50	1.50	
3.2.3.1	100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị đã được phê duyệt: 0.5	0.50	0.50	Đây là nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh đã kiểm soát chất lượng và tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 34 quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban ngành và UBND cấp huyện, UBND cấp xã.
3.2.3.2	100% TTHC thuộc lĩnh vực mình quản lý về chuyên môn được tiếp nhận, trả kết quả giải quyết tại UBND cấp huyện được phê duyệt quy trình nội bộ: 0.5	0.50	0.50	Đây là nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh đã kiểm soát chất lượng và tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 34 quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban ngành và UBND cấp huyện, UBND cấp xã.
3.2.3.3	100% TTHC thuộc lĩnh vực mình quản lý về chuyên môn được tiếp nhận, trả kết quả giải quyết tại UBND cấp xã được phê duyệt quy trình nội bộ: 0.5	0.50	0.50	Đây là nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh đã kiểm soát chất lượng và tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 34 quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban ngành và UBND cấp huyện, UBND cấp xã.
3.2.4	Niêm yết công khai danh mục TTHC, nội dung TTHC và thông báo tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính	1.00	1.00	

3.2.4.1	Công khai danh mục TTHC, nội dung TTHC đầy đủ, đúng quy định: 0.5	0.50	0.50	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC) đã thực hiện niêm yết công khai đầy đủ, đúng quy định bằng giấy (tập sách) và màn hình điện tử tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: - Danh mục TTHC, nội dung TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của 16 sở. - Danh mục TTHC, nội dung TTHC trong lĩnh vực đất đai, lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm, bảo vệ môi trường do hộ gia đình, cá nhân thực hiện trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện. - Danh mục lĩnh vực lĩnh vực quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện và lĩnh vực đăng ký, quản lý con dấu thuộc thẩm quyền giải quyết Công an tỉnh.
3.2.4.2	Công khai thông báo tiếp nhận phản ánh, kiến nghị đầy đủ, đúng quy định: 0.5	0.50	0.50	Văn phòng UBND tỉnh đã thực hiện niêm yết công khai đầy đủ, đúng quy định bằng bản và màn hình điện tử Thông báo tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC tỉnh.
3.2.4.3	Công khai không đầy đủ, không đúng quy định: 0	0.00	0.00	
3.2.5	Đăng tải công khai đầy đủ TTHC và thông báo tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị	0.50	0.50	
3.2.5.1	Công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định: 0.25	0.25	0.25	văn phòng đã đăng tải công khai đầy đủ danh mục TTHC, nội dung TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Cổng thông tin điện tử của Văn phòng UBND tỉnh.
3.2.5.2	Công khai thông báo tiếp nhận phản ánh, kiến nghị đầy đủ, đúng quy định: 0.25	0.25	0.25	Văn phòng đã đăng tải công khai đầy đủ thông báo tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Cổng thông tin điện tử của Văn phòng UBND tỉnh.
3.2.5.3	Công khai không đầy đủ, không đúng quy định: 0	0.00	0.00	
3.2.6	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Trang	0.50	0.50	

	thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc Cổng dịch vụ công - Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh			
3.2.6.1	100% hồ sơ TTHC được công khai tiến độ, kết quả giải quyết: 0.5	0.50	0.50	Văn phòng UBND tỉnh đã phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Cổng dịch vụ công - Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh tại các mục: - Thông báo hồ sơ đã giải quyết: https://motcua.quangngai.gov.vn/thong-bao-ket-qua-giai-quyet-ho-so . - Thông báo xin lỗi hồ sơ trễ hạn: https://motcua.quangngai.gov.vn/thong-bao-ho-so-tre-hen . - Thông báo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ: https://motcua.quangngai.gov.vn/thong-bao-ho-so-bo-sung . - Thông báo tạm dừng giải quyết hồ sơ: https://motcua.quangngai.gov.vn/thong-bao-ho-so-tam-dung . - Thông báo trả hồ sơ không giải quyết: https://motcua.quangngai.gov.vn/thong-bao-ho-so-dung-xu-ly .
3.2.6.2	Dưới 100% hồ sơ TTHC được công khai tiến độ, kết quả giải quyết: 0	0.00	0.00	
3.3	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	4.00	4.00	
3.3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	3.00	3.00	
3.3.1.1	Từ 95 % - 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức: - Tiếp nhận từ 1.000 hồ sơ trở lên: [Tỷ lệ % hồ sơ đúng hạn X 3.00/100%]. - Tiếp nhận dưới 1.000 hồ sơ: + Từ 99% trở lên: [Tỷ lệ % hồ sơ đúng hạn X 3.00/100%]. + Từ 95% đến 99%: 2.85.	3.00	3.00	- Đây là nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết TTHC theo quy định pháp luật, Văn phòng UBND tỉnh chỉ có nhiệm vụ đôn đốc, tổng hợp, trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định danh mục các TTHC thuộc phạm vi tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa các cấp. - Thực hiện quy định của Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Văn phòng UBND tỉnh đã lồng ghép việc công bố danh mục TTHC thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa các cấp chính quyền địa phương và danh mục TTHC tiếp nhận qua dịch vụ

				<p>công trực tuyến với công bố danh mục TTHC mới ban hành, TTHC sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế và TTHC bị bãi bỏ theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ. - Văn phòng UBND tỉnh tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 28/01/2021.</p>
3.3.1.2	Dưới 95% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0	0.00	0.00	
3.3.2	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	0.50	0.50	
3.3.2.1	Đầy đủ, đúng quy định: 0.5	0.50	0.50	<p>Đây là nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC theo quy định pháp luật và quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC đối với các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh. - Văn phòng UBND tỉnh đã tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh triển khai thực hiện và đôn đốc các cơ quan, đơn vị và địa phương thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC tại Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 28/01/2021.</p>
3.3.2.2	Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0	0.00	0.00	
3.3.3	Đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân về quá trình giải quyết TTHC	0.50	0.50	
3.3.3.1	Từ 95% đạt mức độ rất hài lòng và hài lòng: 0.5	0.50	0.50	<p>Đây là nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC, cụ thể là nhiệm vụ của đội ngũ công chức, viên chức, nhân viên trong việc hướng dẫn, tiếp nhận và trả kết quả giải quyết tại các quầy tiếp</p>

				nhận của Bộ phận Một cửa các cấp (bao gồm Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC tỉnh và Bộ phận Một cửa các cấp), Văn phòng UBND tỉnh có nhiệm vụ đôn đốc, theo dõi việc thực hiện đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân về quá trình giải quyết TTHC theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ. (File giải trình kèm theo).
3.3.3.2	Dưới 95% đạt mức độ rất hài lòng và hài lòng: 0	0.00	0.00	
3.4	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của sở	2.00	2.00	
3.4.1	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	1.00	1.00	
3.4.1.1	100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý đúng hạn: 1	1.00	1.00	Văn phòng UBND tỉnh thực hiện tiếp nhận phản ánh, kiến nghị TTHC theo đúng quy định tại Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. - Tính đến ngày 15/11/2022, Văn phòng UBND tỉnh tiếp nhận và chuyển xử lý hơn 70 phản ánh về hành vi hành chính, quy định hành chính liên quan đến lĩnh vực: Đất đai; đường bộ, lý lịch tư pháp, xây dựng, tài nguyên môi trường... đến cơ quan, người có thẩm quyền và đã chủ động xử lý nhanh nhiều trường hợp thông qua đường dây nóng kết nối với người làm đầu mối kiểm soát TTHC, người đứng đầu tại các cơ quan, đơn vị để giải quyết ngay tại chỗ, góp phần rút ngắn thời gian giải quyết phản ánh cho công dân và hạn chế phát sinh đơn, thư phản ánh.

3.4.1.2	100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý nhưng không đúng hạn: 0.75	0.75	0.00	
3.4.1.3	Từ 90% - dưới 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.5	0.50	0.00	
3.4.1.4	Dưới 90% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0	0.00	0.00	
3.4.2	Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền	0.50	0.50	
3.4.2.1	100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định: 0.5	0.50	0.50	Văn phòng UBND tỉnh tham mưu theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị có liên quan xử lý, trả lời và công khai phản ánh, kiến nghị theo quy định tại Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 của UBND tỉnh, Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 28/01/2021 và thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc xử lý, trả lời phản ánh về TTHC của các cơ quan, đơn vị qua số điện thoại của công dân.
3.4.2.2	Dưới 100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định: 0	0.00	0.00	
3.4.3	Xử lý PAKN trên Hệ thống tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị của Chính phủ	0.50	0.50	
3.4.3.1	100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý và đúng hạn: 0.5	0.50	0.50	Văn phòng UBND tỉnh tham mưu triển khai thực hiện tiếp nhận, xử lý và công khai trên Hệ thống tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị của Chính phủ trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung), Quyết định số 574/QĐ-TTg ngày 25/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ. -- Văn phòng đã trực tiếp tiếp nhận, chuyển phản ánh đến cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết và công khai 61 phản ánh được tiếp nhận, xử lý và công khai trên Hệ thống phản ánh, kiến nghị của Chính phủ.

3.4.3.2	Dưới 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý và đúng hạn: 0	0.00	0.00	
3.5	Tác động của cải cách đến chất lượng quy định TTHC	6.00	0.00	
3.5.1	Mức độ rõ ràng, dễ hiểu về các quy định hồ sơ, trình tự thực hiện TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở	1.50	0.00	
3.5.2	Sự đơn giản, dễ kê khai đối với mẫu đơn, mẫu tờ khai trong hồ sơ TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở	1.50	0.00	
3.5.3	Sự minh bạch, rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong quy trình giải quyết TTHC	1.50	0.00	
3.5.4	Tính hợp lý về các quy định hồ sơ, trình tự thực hiện TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở	1.50	0.00	
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH	12.50	8.00	
4.1	Thực hiện quy định của Chính phủ và cấp có thẩm quyền về tổ chức bộ máy	2.00	2.00	
4.1.1	Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, NV của các phòng, ban chuyên môn	1.00	1.00	
4.1.1.1	Đúng quy định: 1	1.00	1.00	Văn phòng UBND tỉnh đã tham mưu UBND ban hành Quyết định số 55/2021/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lại bộ máy Văn phòng UBND tỉnh. Đồng thời, Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 164/QĐ-VP ngày 01/11/2021 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh. Hiện nay, Văn phòng UBND tỉnh đã

				trình UBND tỉnh dự thảo Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng (Tờ trình số 1458/TTr-VP ngày 24/8/2022).
4.1.1.2	Không đúng quy định: 0	0.00	0.00	
4.1.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các các phòng, ban và tương đương thuộc sở	1.00	1.00	
4.1.2.1	Thực hiện đúng quy định về cơ cấu số lượng: 1	1.00	1.00	Thực hiện Quyết định số 55/2021/QĐ-UBND ngày 15/10/2021, Văn phòng thực hiện đúng quy định số lượng cấp phó các phòng, ban, đơn vị trực thuộc theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 24/2014/NĐ-CP, cụ thể: Phòng Kinh tế - Tổng hợp (08 biên chế, 02 Phó Trưởng phòng), Phòng Kinh tế ngành (09 biên chế, 02 Phó Trưởng phòng), Phòng KGVX (08 biên chế, 01 Phó Trưởng phòng), Phòng Nội chính (05 biên chế, 01 Phó Trưởng phòng), Phòng Hành chính - Quản trị (12 biên chế, 02 phó phòng), Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC (08 biên chế, 01 Phó giám đốc), Trung tâm Công báo và Tin học (16 biên chế, 02 Phó giám đốc).
4.1.2.2	Thực hiện không đúng quy định về cơ cấu số lượng: 0	0.00	0.00	
4.2	Thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng biên chế	3.00	3.00	
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính, sự nghiệp	1.00	1.00	
4.2.1.1	Sử dụng đúng các quy định về số lượng biên chế được giao: 1	1.00	1.00	Văn phòng UBND tỉnh đã sử dụng đúng quy định đối với chỉ tiêu biên chế hành chính và biên chế sự nghiệp được UBND tỉnh giao hằng năm, cụ thể: Biên chế công chức được giao năm 2022 là 62 biên chế, thực hiện 60 biên chế; giao 16 biên chế viên chức, thực hiện 15 biên chế.
4.2.1.2	Sử dụng vượt quá biên chế, số lượng người làm việc được	0.00	0.00	

	giao hoặc có hợp đồng lao động:0			
4.2.2	Tỷ lệ giảm biên chế so với năm 2015	2.00	2.00	
4.2.2.1	Đạt tỷ lệ từ 10% trở lên: 2	2.00	2.00	Thống kê tổng số biên chế hành chính của đơn vị được giao trong năm 2015: 58 biên chế. Thống kê tổng số biên chế hành chính thực tế của đơn vị trong năm đánh giá: 62 biên chế. So với năm 2015 thì tổng số biên chế được giao tăng 04 biên chế. Tuy nhiên do sáp nhập và thành lập đơn vị mới nên biên chế có tăng lên, vì vậy Văn phòng UBND tỉnh xin tự chấm 02 điểm (Có file giải trình cụ thể kèm theo).
4.2.2.2	Đạt tỷ lệ dưới 10% thì điểm đánh giá được tính theo công thức:(Tỷ lệ % giảm biên chế X 2.00/10%)	0.00	0.00	
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý	3.00	3.00	
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành và UBND tỉnh ban hành	1.00	1.00	
4.3.1.1	Thực hiện đầy đủ các quy định: 1	1.00	1.00	Thực hiện đúng quy định trong việc phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức; phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức và số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Quảng Ngãi (tại Quyết định số 62/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017; Quyết định số 70/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh, hiện nay là Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 11/10/2022. Đồng thời, Chánh Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 164/QĐ-VP ngày 01/11/2021 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh.
4.3.1.2	Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0	0.00	0.00	
4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp	1.00	1.00	

4.3.2.1	Có thực hiện: 1	1.00	1.00	- Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở, chấn chỉnh qua các cuộc họp, giao ban định kỳ của Văn phòng UBND tỉnh và tại Công văn số 123/VP-HCQT ngày 18/01/2022. - Thành lập Tổ kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ngãi tại Quyết định số 111/QĐ-VP ngày 31/8/2021 và Quyết định số 111/QĐ-VP ngày 19/10/2022.
4.3.2.2	Không thực hiện: 0	0.00	0.00	
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1.00	1.00	
4.3.3.1	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1	1.00	1.00	Tất cả vấn đề qua kiểm tra phát hiện, cũng như mọi khó khăn, vướng mắc của các đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ đều được lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh xử lý, chấn chỉnh kịp thời.
4.3.3.2	Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0	0.00	0.00	
4.4	Tác động của cải cách đến tổ chức bộ máy hành chính	4.50	0.00	
4.4.1	Tình hình thực hiện quy chế làm việc của sở	1.50	0.00	
4.4.2	Tính hợp lý trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền của sở	1.50	0.00	
4.4.3	Tính hợp lý trong việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa sở, các đơn vị trực thuộc và địa phương	1.50	0.00	
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	16.00	10.00	
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	1.50	1.50	
5.1.1	100% số cơ quan, đơn vị: 1.5	1.50	1.50	Văn phòng UBND tỉnh đã thực hiện việc bố trí, sử dụng công chức, viên chức tại các phòng, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định Quyết định số 55/2021/QĐ-UBND ngày 15/10/2021

				của UBND tỉnh. Hiện nay, Văn phòng đang trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Đề án vị trí việc làm mới của Văn phòng, sau khi được phê duyệt, Văn phòng sẽ tiếp tục sắp xếp, cơ cấu để phù hợp với Đề án vị trí việc làm mới.
5.1.2	Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 1	1.00	0.00	
5.1.3	Từ 60% - dưới 80% số cơ quan, đơn vị: 0.5	0.50	0.00	
5.1.4	Dưới 60% số cơ quan, đơn vị: 0	0.00	0.00	
5.2	Thực hiện quy định về chuyển đổi vị trí công tác đối với các chức danh theo quy định tại các cơ quan, đơn vị thuộc sở	2.50	2.50	
5.2.1	Xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác	1.00	1.00	
5.2.1.1	Xây dựng đủ nội dung theo quy định: 1	1.00	1.00	Căn cứ quy định tại Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2021; Văn phòng đã xây dựng, ban hành Kế hoạch số 177/KH-VP ngày 27/01/2022 về việc điều động, chuyển đổi vị trí công tác của Văn phòng UBND tỉnh năm 2022.
5.2.1.2	Không xây dựng: 0	0.00	0.00	
5.2.2	Mức độ hoàn thành Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác	1.50	1.50	
5.2.2.1	Đạt 100% kế hoạch: 1.5	1.50	1.50	Đạt 100% kế hoạch. Đến ngày 10/11/2022, Văn phòng UBND tỉnh đã thực hiện điều động, chuyển đổi vị trí công tác đối với 04 công chức (kèm theo 04 quyết định của Chánh Văn phòng).
5.2.2.2	Dưới 100% kế hoạch: 0	0.00	0.00	
5.3	Thực hiện các quy định về nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền	1.00	1.00	

5.3.1	Đúng quy định: 1	1.00	1.00	Thực hiện đầy đủ, đúng quy định. Văn phòng UBND tỉnh đã có Công văn số 798/VP-HCTC ngày 04/6/2021 báo cáo số lượng, cơ cấu ngạch công chức và đề nghị chỉ tiêu nâng ngạch, thăng hạng; Công văn số 1581/VP-HCQT ngày 14/9/2022 về việc đăng ký nhu cầu nâng ngạch, thăng hạng công chức văn thư năm 2022.
5.3.2	Không đúng quy định: 0	0.00	0.00	
5.4	Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp phòng và tương đương	1.50	1.50	
5.4.1	100% số lãnh đạo cấp phòng và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 1.5	1.50	1.50	Văn phòng UBND tỉnh chấp hành đúng quy định về việc bổ nhiệm và bổ nhiệm lại chức lãnh đạo cấp phòng và tương đương. Trong năm 2022, Văn phòng đã tiếp nhận và bổ nhiệm chức vụ Phó Trưởng phòng Kinh tế - Tổng hợp (Quyết định số 23/QĐ-VP ngày 22/02/2022), điều động và bổ nhiệm chức vụ Phó Trưởng phòng Hành chính – Quản trị (Quyết định số 119/QĐ-VP ngày 07/11/2022); đồng thời không bổ nhiệm lại chức danh lãnh đạo, quản lý vì không đủ các tiêu chuẩn, điều kiện để được bổ nhiệm lại (Thông báo số 1876/TB-VP ngày 31/10/2022).
5.4.2	Dưới 100% số lãnh đạo cấp phòng và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 0	0.00	0.00	
5.5	Đánh giá, phân loại công chức, viên chức	2.50	2.50	
5.5.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định	1.00	1.00	
5.5.1.1	Đúng quy định: 1	1.00	1.00	Thực hiện triển khai đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo đúng quy định. - Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 140/QĐ-VP ngày 20/10/2021 Về việc ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng công chức và viên chức là người đứng đầu đơn vị sự nghiệp trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh. - Đồng thời đã ban hành Kế hoạch số 1953/KH-VP ngày 09/11/2022 về tổ chức kiểm điểm tập thể, đánh giá và

				xếp loại công chức, người lao động năm 2022.
5.5.1.2	Không đúng quy định: 0	0.00	0.00	
5.5.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	1.50	1.50	
5.5.2.1	Trong năm không có công chức, viên chức giữ các chức vụ lãnh đạo quản lý bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 1	1.00	1.00	Cán bộ, công chức, viên chức của Văn phòng UBND tỉnh chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính; trong năm 2022, không có công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị kỷ luật. Thành lập Tổ kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ngãi tại Quyết định số 111/QĐ-VP ngày 31/8/2021 và Quyết định số 111/QĐ-VP ngày 19/10/2022.
5.5.2.2	Trong năm không có viên chức, công chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên: 0.5	0.50	0.50	án bộ, công chức, viên chức của Văn phòng UBND tỉnh chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính; trong năm 2022, không có công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị kỷ luật. Thành lập Tổ kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ngãi tại Quyết định số 111/QĐ-VP ngày 31/8/2021 và Quyết định số 111/QĐ-VP ngày 19/10/2022.
5.6	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1.00	1.00	
5.6.1	Hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch thi điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % hoàn thành X 1.00/100%)	1.00	1.00	- Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 337/KH-VP ngày 04/3/2022 về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2022. - Văn phòng UBND tỉnh đã hoàn thành kế hoạch công tác đào tạo, bồi dưỡng trong năm 2022.
5.6.2	Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0	0.00	0.00	
5.7	Tác động của cải cách đến quản lý cán bộ, công chức	2.00	0.00	
5.7.1	Tình trạng tiêu cực trong bố trí, bổ nhiệm và chuyển đổi vị trí công tác về công chức, viên chức	1.00	0.00	

5.7.2	Tính công khai, minh bạch trong bố trí, bổ nhiệm công chức, viên chức	1.00	0.00	
5.8	Tác động của cải cách đến chất lượng đội ngũ công chức, viên chức	4.00	0.00	
5.8.1	Năng lực chuyên môn của công chức, viên chức trong phối hợp, xử lý công việc	1.00	0.00	
5.8.2	Tinh thần trách nhiệm của công chức, viên chức trong phối hợp, xử lý công việc	1.50	0.00	
5.8.3	Tình trạng công chức, viên chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân trong phối hợp, xử lý công việc	1.50	0.00	
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	13.00	8.00	
6.1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách	3.00	3.00	
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước	1.00	1.00	
6.1.1.1	Đạt tỷ lệ giải ngân từ 90% kế hoạch trở lên:1	1.00	1.00	Văn phòng UBND tỉnh không được giao vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022
6.1.1.2	Đạt tỷ lệ giải ngân từ 70% - dưới 90% so với kế hoạch được giao thì điểm đánh giá được tính theo công thức:(Tỷ lệ % giải ngân KH đầu tư vốn NSNN X 1.00/100%)	1.00	0.00	
6.1.1.3	Đạt tỷ lệ giải ngân dưới 70% so với kế hoạch được giao:0	0.00	0.00	
6.1.2	Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN	1.00	1.00	
6.1.2.1	Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 1	1.00	1.00	Văn phòng UBND tỉnh không có sai phạm về sử dụng kinh phí hành chính (có công khai quyết toán ngân sách kèm theo)
6.1.2.2	Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0	0.00	0.00	

6.1.3	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1.00	1.00	
6.1.3.1	Điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % số tiền đã nộp NSNN * 1.00/100%)	1.00	1.00	Không có kiến nghị liên quan đến Văn phòng UBND tỉnh
6.2	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	3.00	3.00	
6.2.1	Ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền về quản lý, sử dụng tài sản công	1.00	1.00	Thực hiện báo cáo đáp ứng đầy đủ nội dung và đúng thời gian (có báo cáo năm trước kèm theo). Ngoài ra, Văn phòng còn thực hiện báo cáo về: Tình hình ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công (Công văn số 1025/VP-HCQT ngày 15/6/2022); tình hình quản lý, sử dụng tài sản công là nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh (Công văn số 1869/VP-HCQT ngày 28/10/2022). Văn phòng đã ban hành các văn bản về: Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của Văn phòng.
6.2.1.1	Đã ban hành đầy đủ theo quy định: 1	1.00	1.00	Thực hiện báo cáo đáp ứng đầy đủ nội dung và đúng thời gian (có báo cáo năm trước kèm theo). Ngoài ra, Văn phòng còn thực hiện báo cáo về: Tình hình ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công (Công văn số 1025/VP-HCQT ngày 15/6/2022); tình hình quản lý, sử dụng tài sản công là nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh (Công văn số 1869/VP-HCQT ngày 28/10/2022). Văn phòng đã ban hành các văn bản về: Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của Văn phòng.
6.2.1.2	Có ban hành nhưng chưa đầy đủ theo quy định: 0.5	0.50	0.00	
6.2.1.3	Chưa ban hành văn bản nào: 0	0.00	0.00	
6.2.2	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	0.50	0.50	

6.2.2.1	Đã ban hành đầy đủ theo quy định: 0.5	0.50	0.50	Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công tại Quyết định số 123/QĐ-VP ngày 19/11/2020 và hiện nay là Quyết định số 102/QĐ-VP ngày 20/9/2022.
6.2.2.2	Chưa ban hành: 0	0.00	0.00	
6.2.3	Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công tại cơ quan, đơn vị	0.50	0.50	
6.2.3.1	Có kiểm tra: 0.5	0.50	0.50	Văn phòng UBND tỉnh đã thực hiện lồng ghép kiểm tra chung trong công tác CCHC hằng năm (có báo cáo định kỳ về công tác CCHC hằng năm và báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm trước). Đồng thời, còn tiến hành kiểm kê tài sản năm 2022 (Biên bản kiểm kê kèm theo).
6.2.3.2	Không kiểm tra: 0	0.00	0.00	
6.2.4	Xử lý các sai phạm về quản lý, sử dụng tài sản công sau thanh tra, kiểm tra	1.00	1.00	
6.2.4.1	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1	1.00	1.00	Qua công tác kiểm tra, Văn phòng UBND tỉnh không có sai phạm trong quản lý, sử dụng tài sản công (báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm trước, biên bản kiểm kê tài sản).
6.2.4.2	Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % xử lý * 1.00/100%)	1.00	0.00	
6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)	2.00	2.00	
6.3.1	Thực hiện quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm tại các đơn vị SNCL	1.00	1.00	
6.3.1.1	Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 1	1.00	1.00	Thực hiện đúng quy định pháp luật; không có sai phạm được phát hiện trong năm.
6.3.1.2	Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0	0.00	0.00	

6.3.2	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp trực thuộc so với năm 2015	1.00	1.00	
6.3.2.1	Đạt tỷ lệ từ 10% trở lên: 1	1.00	1.00	Văn phòng có 1 đơn vị SNCL, năm 2015 đơn vị chưa thực hiện tự chủ (kinh phí cấp 100%). Năm 2022, tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 88/QĐ-VP ngày 30/7/2021 của Chánh Văn phòng về việc giao quyền tự chủ tài chính năm 2021 đối với Trung tâm Công báo và Tin học nên đơn vị thực hiện tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, kinh phí cấp chỉ còn 80%. Do đó, so sánh với năm 2015 thì đã thực hiện giảm chi cho ngân sách được 20%.
6.3.2.2	Đạt tỷ lệ dưới 10% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % giảm chi ngân sách X 1.00/10%)	1.00	0.00	
6.4	Tác động của cải cách đến quản lý tài chính công	5.00	0.00	
6.4.1	Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị	1.00	0.00	
6.4.2	Tính hiệu quả của việc quản lý, sử dụng tài sản công	1.00	0.00	
6.4.3	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính	1.50	0.00	
6.4.4	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập	1.50	0.00	
7	PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ HƯỚNG TỚI CHÍNH QUYỀN SỐ	17.50	11.50	
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của sở	5.00	5.00	
7.1.1	Ban hành và triển khai Kế hoạch phát triển Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số, chuyển đổi số	1.00	1.00	
7.1.1.1	Ban hành và triển khai Kế hoạch phát triển Chính quyền	1.00	1.00	Văn phòng UBND tỉnh đã xây dựng và ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền điện tử và

	số và bảo đảm an toàn thông tin mạng: 1			hướng tới chính quyền số năm 2022 (Kế hoạch số 1290/KH-VP ngày 26/8/2021); Kế hoạch triển khai ứng dụng thông tin của Văn phòng năm 2022 (Kế hoạch số 161/KH-VP ngày 24/01/2022). Việc triển khai thực hiện được lồng ghép trong báo cáo CCHC định kỳ và tại Báo cáo số 1112/BC-VP ngày 28/6/2022 về việc báo cáo công tác chuyển đổi số tại Văn phòng.
7.1.1.2	Không triển khai theo quy định: 0	0.00	0.00	
7.1.2	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị dưới dạng điện tử	1.00	1.00	
7.1.2.1	Tất cả số văn bản đi, được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử: 1.00	1.00	1.00	Văn phòng UBND tỉnh đã thực hiện 100% văn bản phát hành đều dưới dạng điện tử, trừ văn bản mật, cụ thể: - Tổng số văn bản đi (trừ văn bản mật) năm 2022: 2.011 văn bản. - Văn bản gửi dưới dạng điện tử có ký số: 2.011 văn bản.
7.1.2.2	Từ 80% - dưới 100% số văn bản thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % số văn bản X 1.00/100%)	1.00	0.00	
7.1.2.3	Dưới 80% số văn bản: 0	0.00	0.00	
7.1.3	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng	1.00	1.00	
7.1.3.1	100% các phòng, ban thuộc sở có tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt từ 60% trở lên: 1	1.00	1.00	- Tổng số văn bản đi và đến của Văn phòng: 8169 văn bản - Tổng số văn bản đi và đến của Văn phòng được xử lý trên môi trường điện tử: 8166 văn bản. Tỷ lệ: 99,96%.
7.1.3.2	100% các phòng, ban thuộc sở có tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt từ 30% trở lên: 0.5	0.50	0.00	
7.1.4	Tỷ lệ văn bản điện tử ký số	1.00	1.00	
7.1.4.1	100% văn bản điện tử được ký số: 1	1.00	1.00	Văn phòng UBND tỉnh đã thực hiện 100% văn bản phát hành đều dưới dạng điện tử, trừ văn bản mật, cụ thể: - Tổng số văn bản đi (trừ văn bản mật): 2.011

				văn bản, - Văn bản gửi dưới dạng điện tử có ký số: 2.011 văn bản.
7.1.4.2	Từ 80% - dưới 100% số văn bản thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % số văn bản X 1.00/100%)	1.00	0.00	
7.1.4.3	Dưới 80% số văn bản: 0	0.00	0.00	
7.1.5	Cập nhật thông tin, dữ liệu hồ sơ vào Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh hoặc của bộ, ngành	1.00	1.00	
7.1.5.1	Đầy đủ, đúng quy định: 1.0	1.00	1.00	Đây là nhiệm vụ thực hiện của các cơ quan, đơn vị và địa phương có thẩm quyền giải quyết TTHC theo quy định pháp luật và công bố tại quyết định Chủ tịch UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh chỉ có nhiệm tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đơn đốc, hướng dẫn thực hiện. - Đối với hồ sơ liên thông gửi đến Văn phòng UBND tỉnh (qua Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC tỉnh), Văn phòng UBND tỉnh đều phối hợp với các sở để xử lý, tham mưu chuyển trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định; tất cả quy trình xử lý đều được cập nhật đầy đủ, đúng hạn trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh (trừ một số hồ sơ cập nhật trễ hạn do sự cố kỹ thuật).
7.1.5.2	Không đầy đủ, đúng quy định: 0	0.00	0.00	
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	3.00	3.00	
7.2.1	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ	1.00	1.00	
7.2.1.1	Từ 50% số TTHC trở lên cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ: 1	1.00	1.00	Đây là nhiệm vụ thực hiện của các cơ quan, đơn vị và địa phương có thẩm quyền giải quyết TTHC theo quy định pháp luật và công bố tại quyết định Chủ tịch UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh chỉ có nhiệm tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đơn đốc, hướng dẫn thực hiện. - Theo thống kê của Văn phòng UBND tỉnh, trên toàn

				tính số TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến trong năm 2022 có: 503 dịch vụ công trực tuyến một phần, 173 dịch vụ công trực tuyến toàn trình.
7.2.1.2	Dưới 50% số hồ sơ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % số hồ sơ X 1.00/50%)	1.00	0.00	
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4	2.00	2.00	
7.2.2.1	Từ 50% số hồ sơ TTHC trở lên: 2.0	2.00	2.00	Đây là nhiệm vụ thực hiện của các cơ quan, đơn vị và địa phương có thẩm quyền giải quyết TTHC theo quy định pháp luật và công bố tại quyết định Chủ tịch UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh chỉ có nhiệm vụ tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đôn đốc, hướng dẫn thực hiện. - Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi) đã đôn đốc, hướng dẫn các sở thực hiện tiếp nhận, giải quyết 15.984 hồ sơ nộp trực tuyến, tập trung vào các lĩnh vực: thủy sản, thú y; xúc tiến thương mại; thành lập và hoạt động của doanh nghiệp; đường bộ (cấp đổi phù hiệu xe, cấp đổi giấy phép lái xe,); lý lịch tư pháp; việc làm - an toàn lao động (cấp và cấp lại giấy phép cho người lao động nước ngoài) tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC tỉnh.
7.2.2.2	Dưới 50% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % số hồ sơ X 2.00/50%)	0.00	0.00	
7.3	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)	2.00	2.00	
7.3.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	0.50	0.50	

7.3.1.1	Từ 50% số TTHC trở lên có phát sinh hồ sơ: 0.50	0.50	0.50	- Đây là nhiệm vụ thực hiện của các cơ quan, đơn vị và địa phương có thẩm quyền giải quyết TTHC theo quy định pháp luật và công bố tại quyết định Chủ tịch UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh chỉ có nhiệm tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đôn đốc, hướng dẫn thực hiện. - Theo Quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thì trên địa bàn tỉnh có 473 TTHC thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích. - Theo thống kê 11 tháng tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh các sở tiếp nhận 5.342 hồ sơ TTHC qua dịch vụ bưu chính; chuyển trả 14.767 hồ sơ đã giải quyết qua đường bưu điện cho các cá nhân, tổ chức.
7.3.1.2	Dưới 50% số hồ sơ TTHC có phát sinh hồ sơ thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % số hồ sơ X 0.50/50%)	0.50	0.00	
7.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	0.50	0.50	
7.3.2.1	Từ 5% số hồ sơ TTHC trở lên: 0.50	0.50	0.50	- Đây là nhiệm vụ thực hiện của các cơ quan, đơn vị và địa phương có thẩm quyền giải quyết TTHC theo quy định pháp luật và công bố tại quyết định Chủ tịch UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh chỉ có nhiệm tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đôn đốc, hướng dẫn thực hiện. - Theo thống kê của Văn phòng UBND tỉnh tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh, các sở tiếp nhận 5.342 hồ sơ TTHC qua dịch vụ bưu chính
7.3.2.2	Dưới 5% số hồ sơ: 0	0.00	0.00	
7.3.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	1.00	1.00	
7.3.3.1	Từ 20% số hồ sơ TTHC trở lên: 1	1.00	1.00	- Đây là nhiệm vụ thực hiện của các cơ quan, đơn vị và địa phương có thẩm quyền giải quyết TTHC theo quy định pháp luật và công bố tại quyết định Chủ tịch UBND tỉnh, Văn phòng UBND

				<p>tin chỉ có nhiệm vụ tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đôn đốc, hướng dẫn thực hiện. - Theo thống kê của Văn phòng UBND tỉnh, tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh, các sở chuyên trả 14.767 hồ sơ đã giải quyết qua đường bưu điện cho các cá nhân, tổ chức.</p>
7.3.3.2	Dưới 20% số hồ sơ: 0	0.00	0.00	
7.4	Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định	1.50	1.50	
7.4.1	Công bố ISO 9001-2015 tại cơ quan	0.50	0.50	
7.4.1.1	Đã công bố: 0.5	0.50	0.50	<p>Văn phòng UBND tỉnh đã thực hiện công bố HTQLCL phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Quyết định số 141/QĐ-VP ngày 14/12/2020.</p>
7.4.1.2	Chưa công bố: 0	0.00	0.00	
7.4.2	Tỷ lệ cơ quan thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định	1.00	1.00	
7.4.2.1	100% số cơ quan, đơn vị: 1	1.00	1.00	<p>Tất cả các phòng, ban đơn vị thuộc Văn phòng UBND tỉnh đều triển khai áp dụng, duy trì, cải tiến ISO 9001 theo đúng quy định (Quyết định số 128/QĐ-VP ngày 28/11/2020, Quyết định số 141/QĐ-VP ngày 14/12/2020 của Chánh Văn phòng).</p>
7.4.2.2	Dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 0	0.00	0.00	
7.5	Tác động của cải cách đến hiện đại hóa hành chính	6.00	0.00	
7.5.1	Tính kịp thời của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin điện tử của sở	1.50	0.00	
7.5.2	Mức độ đầy đủ của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin của sở	1.50	0.00	
7.5.3	Mức độ thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin	1.50	0.00	

	trên Cổng/Trang thông tin điện tử của sở			
7.5.4	Tính hiệu quả trong việc thực hiện quy trình ISO	1.50	0.00	
8	TỔNG ĐIỂM	100.00	67.00	